TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN S** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **247**/2020/QĐST-HNGĐ	*S, ngày 04 tháng 8 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án thụ lý số: 207/2020/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2020, giữa:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Trần Thị H, sinh năm 1988.

- ***Bị đơn:*** Anh Nông Tiến S, sinh năm 1985.

Cùng địa chỉ: Thôn V, xã S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 7 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 7 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Nguyên đơn chị Trần Thị H và bị đơn anh Nông Tiến S.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao cháu Nông Huyền A, sinh ngày 04/6/2016 cho chị Trần Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Nông Tiến H, sinh ngày 05/01/2015 cho anh Nông Tiến S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền đi lại thăm con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Các đương sự cùng xác định tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Các đương sự cùng xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Trần Thị H phải nộp 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003441 ngày 23/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Trả lại cho chị H 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*.

Anh Nông Tiến S không phải chịu án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện S;
- Chi cục THADS huyện S;
- UBND xã H, S
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Bàn Văn Thế